

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-9-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Đôi.
2. Bà Lương Thị Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2018, về "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2018/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Bùi Thị Huyền T, sinh năm 1993; cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trịnh Văn T1, sinh năm 1986; cư trú: Thôn T, xã M, huyện K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 18 tháng 6 năm 2018, bản tự khai ngày 27 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa chị T trình bày: Chị **tự nguyện kết hôn với** anh Trịnh Văn Tuyến **năm 2013**, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện K, **Hải Phòng**. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ khoảng đầu tháng

4 năm 2018, do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong làm ăn kinh tế và bạn bè, anh T1 lười lao động, không có trách nhiệm đối với vợ con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Hai bên gia đình, thôn xóm đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị phải bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 cho đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Trịnh Văn Q, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2012, hiện đang do anh T1 nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, chị T đồng ý để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng con cho đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên tự thỏa thuận giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T1 trình bày tại bản tự khai ngày 13 tháng 7 năm 2018 và tại phiên tòa: Anh thống nhất với chị T về thời gian kết hôn, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc. Mâu thuẫn phát sinh từ đầu tháng 4 năm 2018, do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè, chị T sống không chung thủy, không có trách nhiệm với chồng con. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Mặc dù được gia đình hai bên, thôn xóm hòa giải nhiều lần để vợ chồng trở lại sống đoàn tụ nhưng không thành. Khoảng từ giữa tháng 6 năm 2018, chị T đã bỏ nhà đi thuê nhà trọ để ở, không quan tâm đến cuộc sống chung. Nay tại phiên tòa, anh xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, anh cũng xin ly hôn chị T.

Về con chung: Có 01 con chung là Trịnh Văn Q, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2012, hiện đang do anh nuôi dưỡng. Nếu ly hôn, anh xin tiếp tục nuôi con cho đến khi đủ 18 tuổi vì đang làm công nhân có thu nhập kinh tế và chỗ ở ổn định. Về nghĩa vụ dưỡng nuôi con chung, chúng tôi tự thỏa thuận giao nhận với nhau, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, **bị đơn** thực hiện đầy đủ các quyền, chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T1 tự nguyện kết hôn năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, Hải Phòng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, do phong cách sống không còn phù hợp, nghi ngờ nhau trong làm ăn kinh tế và quan hệ bạn bè. Anh T1 lười lao động, không có trách nhiệm đến cuộc sống chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Hai bên gia đình, thôn xóm đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Chị T bỏ nhà đi thuê nhà trọ ở từ cuối tháng 6 năm 2018 đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay tại phiên tòa, cả hai anh chị đều xét thấy tình cảm không còn, mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, đều xin ly hôn, cần chấp nhận. Qua điều tra xác minh theo yêu cầu của đương sự tại thôn T, Ủy ban nhân dân xã M và gia đình đương sự đều cho biết: Nên xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Bùi Thị Huyền T được ly hôn anh Trịnh Văn T1.

2. Về con chung: Có 01 con là Trịnh Văn Q, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2012. Hiện đang do anh T1 nuôi dưỡng. Chị T nhất trí để anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi, được chấp nhận.

Căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử: Giao cháu Trịnh Văn Quyến, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2012 cho anh Tuyến nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ nuôi con chung, hai bên thỏa thuận tự giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản, công nợ: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị T phải chịu 300.000^d án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện K giải quyết ly hôn với anh T1 cư trú tại thôn T, xã M, huyện K, Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, Hải Phòng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T tự nguyện kết hôn với anh Tuyến năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện K, Hải Phòng. Đánh giá chung, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 5 năm. Song trong thời gian chung sống, mâu thuẫn phát sinh từ tháng 4 năm 2018 do phong cách sống không phù hợp, nghi ngờ nhau trong quan hệ bạn bè và làm ăn kinh tế. Anh T1 lười lao động, không có trách nhiệm đối với vợ con, ảnh hưởng đến cuộc sống chung. Vợ chồng thường xuyên xảy ra đánh cãi nhau. Gia đình hai bên, thôn xóm đã hòa giải nhiều lần để vợ chồng sống đoàn tụ nhưng không thành. Chị T1 phải đi thuê nhà trọ ở từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến cuộc sống chung. Nay tại phiên tòa, cả hai anh chị đều xét thấy mâu thuẫn rất trầm trọng, tình cảm không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đều xin ly hôn. Xét yêu cầu của hai bên là tự nguyện, cần chấp nhận, nên xử cho chị T được ly hôn anh T1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trịnh Văn Q, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2012, hiện đang do anh T1 nuôi dưỡng. Anh chị thống nhất giao cháu Q cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Vì anh T1 đang làm công nhân, có thu nhập kinh tế và chỗ ở ổn định để nuôi con hơn chị T, được chấp nhận. Cần giao cháu Q cho anh T1 tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp. Về nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên **đương sự** tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị T, anh T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 273; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Huyền T được ly hôn anh Trịnh Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Văn Q, sinh ngày 13 tháng 02 năm 2012 cho anh T1 nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Huyền T phải chịu 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: 0006097 ngày 09 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị T đã chịu đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã M, huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Đôi

Lương Thị Ngân

Nguyễn Đức Hoàng